

Số: *01*/QĐ-THHN

Pa ham, ngày 01 tháng 01 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương  
năm 2026**

**TRƯỜNG PTDTBT TH HỪA NGÀI**

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ quyết định số 494/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 của UBND Xã Pa Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2026.*

*Theo đề nghị của kế toán;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2026 của Trường PTDTBT TH Hừa Ngai. ( theo biểu đính kèm)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Bộ phận kế toán và các bộ phận thuộc trường PTDTBT TH Hừa Ngai tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Đơn vị dự toán cấp trên;
- Lưu :VT, ...

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**



*Phạm Văn Diên*

Đơn vị: Trường PTDTBT TH Hòa Ngãi  
Chương: 822

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư  
số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm  
2018 của Bộ Tài chính

**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

(Kèm theo Quyết định số 01<sup>CV</sup>/QĐ-THNN ngày 01 /01/2026 của trường PTDTBT TH Hòa Ngãi )  
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

| Số TT     | Nội dung                                         | Dự toán được giao |
|-----------|--------------------------------------------------|-------------------|
| I         | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí      |                   |
| 1         | Số thu phí, lệ phí                               |                   |
| 1.1       | Lệ phí                                           |                   |
| 1.2       | Phí                                              |                   |
| 2         | Chi từ nguồn thu phí được để lại                 |                   |
| 2.1       | Chi sự nghiệp .....                              |                   |
| 2.2       | Chi quản lý hành chính                           |                   |
| 3         | Số phí, lệ phí nộp NSNN                          |                   |
| 3.1       | Lệ phí                                           |                   |
| 3.2       | Phí                                              |                   |
| <b>II</b> | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>            | <b>15.319</b>     |
| 1         | Chi quản lý hành chính                           |                   |
| 1.1       | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                 |                   |
| 1.2       | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ           |                   |
| 2         | Nghiên cứu khoa học                              |                   |
| 3         | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề        | 15.319            |
| 3.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                   | 9.690             |
| 3.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên             | 5.629             |
| 4         | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình           |                   |
| 5         | Chi bảo đảm xã hội                               |                   |
| 6         | Chi hoạt động kinh tế                            |                   |
| 7         | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường                  |                   |
| 8         | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin                  |                   |
| 9         | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn |                   |
| 10        | Chi sự nghiệp thể dục thể thao                   |                   |
| 11        | Chi Chương trình mục tiêu                        |                   |

Số: 494/QĐ-UBND

Pa Ham, ngày 22 tháng 12 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2026**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PA HAM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 2828/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của UBND tỉnh Điện Biên về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2026;*

*Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 19/12/2025 của HĐND xã về việc giao dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026;*

*Theo đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế xã.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2026 cho cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã với nội dung chi tiết tại các Biểu kèm theo.

**Điều 2.** Căn cứ dự toán được giao, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm sắp xếp các nhiệm vụ chi, phân bổ, giao dự toán thu chi ngân sách địa phương, đảm bảo các yêu cầu nhiệm vụ sau:

**1.** Tiếp tục thực hiện các giải pháp tạo nguồn cải cách chính sách tiền lương năm 2026 theo quy định từ một phần nguồn thu được để lại theo chế độ của các cơ quan, đơn vị; tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ); 50% tăng thu ngân sách xã (không kể thu tiền sử dụng đất, các khoản được loại trừ khi tính tăng thu dành để thực hiện cải cách tiền lương) dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2026 (nếu có); nguồn thực hiện cải cách tiền lương đến hết năm 2025 còn dư chuyển sang năm 2026 (nếu có). Đồng thời, dành 70% nguồn tăng thu thực hiện của ngân sách xã so với dự toán 2025 để tạo nguồn cải cách tiền lương trong năm 2026.

Đối với nguồn tăng thu ngân sách xã (không kể thu tiền sử dụng đất), loại trừ thêm một số khoản thu gắn với nhiệm vụ chi cụ thể, gồm: thu tiền thuê đất một lần được nhà đầu tư ứng trước để bồi thường, giải phóng mặt bằng và thu xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được cấp có thẩm quyền quyết định sử dụng để chi đầu tư theo quy định; thu tiền bảo vệ đất trồng lúa; phí bảo vệ môi trường đối với khoáng sản; phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã và thu tiền cho thuê, cho thuê mua, bán nhà thuộc sở hữu nhà nước.



2. Chủ động bố trí ngân sách của đơn vị mình, cấp mình, nguồn được bổ sung để thực hiện các chế độ, chính sách an sinh xã hội theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2026 được giao, cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã, tổ chức thực hiện theo đúng Luật ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế, Trưởng phòng Giao dịch số 1 KBNN Khu vực X; Trưởng Thuế cơ Sở 4 và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- TT. Đảng ủy;
- TT. HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Trưởng Phòng giao dịch số 1 - KBNN Khu vực X;
- Như điều 3;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Trần Đức Cường**

**BIỂU GIAO DỰ TOÁN KINH PHÍ NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số 494/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Pa Ham)

Đơn vị: Trường PTDTBT Tiểu học Hừa Ngải

ĐVT: Đồng

Mã QHNS: 1085769

| TT        | Nội dung                                                                                  | Chương | Loại | Khoản | TC<br>nguồn<br>n KP | Dự toán giao          |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------|--------|------|-------|---------------------|-----------------------|
|           | <b>DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH</b>                                                              |        |      |       |                     | <b>15.319.000.000</b> |
| <b>I</b>  | <b>Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo</b>                                                       |        |      |       |                     | <b>15.304.000.000</b> |
| 1         | Chi thường xuyên                                                                          | 822    | 070  | 072   | 13                  | 9.690.000.000         |
| 2         | Chi không thường xuyên                                                                    |        |      |       |                     | 5.614.000.000         |
| 2.1       | Chính sách theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025                                   | 822    | 070  | 072   | 12                  | 848.000.000           |
| -         | Hỗ trợ chi phí học tập                                                                    |        |      |       |                     | 848.000.000           |
| 2.2       | H.trợ HS bán trú, trường PTDT bán trú theo ND 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025                | 822    | 070  | 072   | 12                  | 4.395.000.000         |
|           | Chế độ học sinh bán trú                                                                   |        |      |       |                     | 4.155.000.000         |
|           | Quản lý ngoài giờ, điện nước                                                              |        |      |       |                     | 240.000.000           |
| 2.3       | Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP                                           | 822    | 070  | 072   | 18                  | 371.000.000           |
| <b>IV</b> | <b>Sự nghiệp khoa học công nghệ</b>                                                       |        |      |       |                     | <b>15.000.000</b>     |
|           | Phần mềm kế toán misa (mua mới và gia hạn), Quản lý tài sản và các nhiệm vụ chi khác..... | 821    | 100  | 103   | 12                  | 15.000.000            |

Ghi chú: (1)

- Đã bao gồm 10% CCTL số tiền: 30 triệu đồng;
- Đã bao gồm chi PCCC, dạy lớp ghép